

HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 15 ( Ca 1, Phòng F303 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000561	Lê Tiến Hung	17/09/1995	Bạc Liêu	KD13A	185	75	260
000562	Nguyễn Nam Hung	02/11/1995	Bình Phước	KD13A	230	170	400
000563	Doãn Thái An Hung	25/10/1995	Lâm Đồng	KQ13A	315	195	510
000564	Nguyễn Đắc Hung	01/10/1995	Bình Định	KQ13B			
000565	Trương Thị Mỹ Hung	15/06/1995	Phú Yên	KQ13D	220	270	490
000566	Bạch Thị Quỳnh Hương	16/12/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A			
000567	Trần Thúy Hương	07/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	300	185	485
000568	Phạm Thị Thu Hương	06/06/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	460	435	895
000569	Nguyễn Thị Hương	12/10/1995	Thanh Hóa	QL13B	245	155	400
000570	Ngô Văn Hường	09/05/1994	Bắc Ninh	KD13E	200	120	320
000571	Đoàn Trọng Hữu	14/05/1995	Cần Thơ	CX13D	210	110	320
000572	Trần Xuân Hữu	17/03/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13A	390	360	750
000573	Nguyễn Thanh Huy	13/08/1995	Vĩnh Long	CG13A	240	240	480
000574	Phan Mạnh Huy	23/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13A	310	140	450
000575	Nguyễn Ngọc Huy	23/11/1995	Đắk Lắk	CG13B	220	110	330
000576	Nguyễn Văn Huy	16/06/1995	Hải Dương	CG13B	180	100	280
000577	Nguyễn Thành Huy	10/10/1994	Quảng Ngãi	CG13D	190	145	335
000578	Trương Hoàng Huy	31/03/1995	Khánh Hòa	CG13D			
000579	Nguyễn Tấn Huy	22/10/1995	Long An	CG13G	110	100	210
000580	Nguyễn Phi Huy	16/03/1994	Thừa Thiên -Huế	CG13H	195	95	290
000581	Đoàn Đức Huy	26/06/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13B	195	95	290
000582	Nguyễn Quốc Huy	26/05/1995	Bình Định	CK13B	150	120	270
000583	Lương Thanh Huy	02/04/1995	Đồng Nai	CK13D	190	145	335
000584	Bùi Nhật Huy	20/05/1995	Long An	CN13	270	305	575
000585	Nguyễn Công Huy	02/08/1994	Hà Nội	CN13	170	135	305
000586	Châu Văn Huy	20/04/1994	Ninh Thuận	CX13A	180	90	270
000587	Nguyễn Đức Huy	11/09/1995	Đắk Lắk	CX13D	210	160	370
000588	Nguyễn Ngọc Huy	20/02/1995	Đắk Lắk	CX13D			
000589	Võ Mộng Huy	23/09/1995	Bình Định	CX13D			
000590	Lưu Đình Huy	25/02/1995	Thái Bình	CX13E	140	115	255
000591	Đình Lương Huy	21/11/1995	Bình Thuận	HH13A	235	175	410
000592	Trần Quốc Huy	06/07/1995	Ninh Thuận	KD13A	245	140	385
000593	Nguyễn Minh Huy	23/05/1995	Đắk Lắk	KD13D	115	140	255

000594	Nguyễn Quốc Huy	Huy	01/07/1995	Ninh Thuận	KD13D	190	110	300
000595	Nguyễn Phước Bảo	Huy	28/12/1994	Đồng Nai	KD13G	150	95	245
000596	Bùi Trần Quốc	Huy	19/02/1995	Phú Yên	KQ13A	220	185	405
000597	Nguyễn Thành	Huy	24/02/1993	Quảng Ngãi	KQ13A	140	120	260
000598	Lê Đình	Huy	27/11/1995	Đồng Nai	KQ13B	185	130	315
000599	Nguyễn Hữu	Huy	17/02/1994	Nghệ An	KQ13D	135	80	215
000600	Lê Quốc	Huy	01/01/1995	Quảng Ngãi	KT13B	230	145	375



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 16 ( Ca 1, Phòng F401 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000601	Trần Nhật Huy	02/01/1995	Bến Tre	KT13D	125	45	170
000602	Vũ Văn Huy	08/02/1995	Hà Nam	VT13B			
000603	Hồ Thị Huyền	18/07/1995	Nghệ An	KQ13A	170	160	330
000604	Bùi Thị Huyền	02/02/1994	Quảng Ngãi	KQ13D	170	120	290
000605	Nguyễn Thị Thanh Huyền	21/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	230	160	390
000606	Cao Doãn Huynh	10/03/1994	Nghệ An	CN13	145	140	285
000607	Phạm Ngọc Huynh	15/08/1994	Quảng Ngãi	KD13A	160	110	270
000608	Trần Ngọc Huynh	08/01/1995	Đồng Nai	KD13G			
000609	Nguyễn Thái Huynh	05/12/1995	Phú Yên	KD13E	125	90	215
000610	Nguyễn Phương Kế	15/10/1995	Đắk Lắk	CG13H	180	95	275
000611	Phạm Hoàng Kha	09/08/1995	Quảng Ngãi	CG13G	150	125	275
000612	Lê Hoàng Kha	16/08/1995	Quảng Nam	KD13A	150	120	270
000613	Nguyễn Khá	26/01/1995	Quảng Ngãi	KD13D	190	120	310
000614	Trương Đức Khả	07/02/1994	Bình Định	CX13D	120	80	200
000615	Lê Xuân Khải	28/10/1995	Quảng Nam	CG13B	150	60	210
000616	Nguyễn Quốc Khải	07/09/1995	Bình Phước	CK13A	120	60	180
000617	Đỗ Ngọc Khải	05/11/1994	Quảng Ngãi	KD13E	115	100	215
000618	Lê Quốc Khải	05/11/1995	Đắk Lắk	KQ13B	155	125	280
000619	Lý Hoàng Khải	29/01/1995	Bến Tre	MT13A	155	140	295
000620	Trần Lê Quốc Khải	25/01/1995	Bình Thuận	VT13D	250	155	405
000621	Dương Chí Khang	15/09/1995	Bạc Liêu	CG13A	170	55	225
000622	Quách Vĩnh Khang	28/05/1995	Bạc Liêu	CG13B	250	205	455
000623	Trần Bá Khang	23/10/1995	Hà Tĩnh	CG13E	190	110	300
000624	Lê Văn Khang	16/01/1995	Bình Phước	CG13G	165	125	290
000625	Trần Thanh Khang	30/04/1995	An Giang	CK13D	120	135	255
000626	Nguyễn Đình Khang	13/07/1995	Khánh Hòa	KD13B	235	135	370
000627	Nguyễn Duy Khanh	09/07/1995	Bình Thuận	CG13E	185	90	275
000628	Nguyễn Ngọc Khanh	27/03/1995	Long An	CK13A	230	135	365
000629	Lê Quốc Khanh	09/05/1995	Đồng Nai	CX13A	360	285	645
000630	Phạm Công Khanh	29/04/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13E	255	155	410
000631	Ngô Tuấn Khanh	09/12/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	335	300	635
000632	Lâm Duy Phi Khanh	10/03/1994	Khánh Hòa	QL13B	145	125	270
000633	Nguyễn Duy Khánh	13/10/1994	Lâm Đồng	CG13A	250	185	435

000634	Đình Duy	Khánh	01/01/1995	Cà Mau	CG13D			
000635	Nguyễn Hồng	Khánh	10/10/1994	Quảng Ngãi	CG13D	165	210	375
000636	Dương Minh	Khánh	17/03/1995	Long An	CK13A	115	150	265
000637	Nguyễn Huỳnh	Khánh	15/04/1993	Tây Ninh	CK13A	270	210	480
000638	Bùi Xuân	Khánh	14/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CK13D	200	285	485
000639	Mai Xuân	Khánh	01/01/1994	Thừa Thiên -Huế	CK13D	105	90	195
000640	Trần Quốc	Khánh	06/06/1995	Bình Định	CN13	105	50	155



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 17 ( Ca 1, Phòng F403 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000641	Nguyễn Duy Khánh	04/07/1995	Đắk Lắk	CX13A	180	130	310
000642	Nguyễn Văn Khánh	25/08/1995	Bình Định	CX13A	165	70	235
000643	Nguyễn Duy Khánh	19/09/1995	Bến Tre	CX13D	150	145	295
000644	Võ Duy Khánh	08/01/1995	Tiền Giang	CX13D	140	115	255
000645	Trần Ngọc Khánh	05/10/1995	Tiền Giang	HH13B	240	120	360
000646	Nguyễn Đức Khánh	30/08/1995	Quảng Ngãi	KD13D	135	90	225
000647	Ngô Quang Khánh	10/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KQ13D	335	170	505
000648	Hồ Sỹ Khánh	17/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	315	290	605
000649	Lê Minh Khánh	10/12/1995	Hải Dương	KT13D	340	355	695
000650	Đỗ Anh Khoa	04/09/1995	Long An	CG13A	135	95	230
000651	Trần Đăng Khoa	14/02/1995	Tiền Giang	CG13E	115	110	225
000652	Trương Đăng Khoa	28/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13G	340	270	610
000653	Âu Kỳ Khoa	15/09/1995	Quảng Ngãi	CK13B	165	60	225
000654	Phạm Nguyễn Anh Khoa	16/03/1995	Đồng Nai	CK13D			
000655	Lương Hữu Khoa	10/09/1995	Đắk Nông	CN13	200	120	320
000656	Lê Hồng Khoa	30/06/1995	Đà Nẵng	CX13B			
000657	Đặng Văn Khoa	28/05/1995	Đồng Nai	CX13E	270	135	405
000658	Trương Bảo Khoa	26/02/1995	Đồng Nai	HH13B	180	120	300
000659	Mai Công Khoa	27/01/1995	Quảng Ngãi	KD13A	100	80	180
000660	Nguyễn Đăng Khoa	11/11/1995	Đồng Nai	KD13A	220	130	350
000661	Trần Đăng Khoa	07/09/1995	Đồng Tháp	KD13D	100	110	210
000662	Phạm Đăng Khoa	14/03/1995	Đồng Nai	KD13G	165	180	345
000663	Hoàng Anh Khoa	01/05/1995	Bình Thuận	MT13B			
000664	Nguyễn Võ Anh Khoa	06/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	QL13B	315	240	555
000665	Nguyễn Lê Khoa	10/12/1995	Quảng Ngãi	VT13D	150	115	265
000666	Phạm Minh Khôi	08/06/1995	Phú Yên	CG13A	115	125	240
000667	Trịnh Anh Khôi	14/05/1994	Bạc Liêu	CG13A	100	120	220
000668	Trần Đức Khôi	11/01/1995	Nam Định	CG13H	235	75	310
000669	Trần Ngọc Khôi	31/05/1995	Thanh Hóa	KQ13D			
000670	Trương Minh Khôi	31/03/1995	Đắk Lắk	QL13B	285	235	520
000671	Huỳnh Xuân Khương	09/04/1995	Phú Yên	CG13B	140	95	235
000672	Nguyễn Duy Khương	09/11/1995	Đắk Lắk	KD13A	115	70	185
000673	Phạm Thái Khương	10/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13A	235	170	405

000674	Nguyễn Hoàng	Khuong	09/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	VT13B	140	125	265
000675	Huỳnh Trung	Kiên	11/10/1995	Bình Định	CG13E	195	90	285
000676	Tăng Trung	Kiên	24/05/1995	Bình Định	KT13D	210	255	465
000677	Vũ Tuấn	Kiệt	31/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	CG13H	340	295	635
000678	Chu Trường Tuấn	Kiệt	21/10/1994	Lâm Đồng	CK13D	155	170	325
000679	Nguyễn Văn	Kiệt	08/02/1995	Gia Lai	CX13B	235	170	405
000680	Nguyễn Văn	Kiệt	11/11/1995	Quảng Ngãi	CX13D	255	145	400



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 18 (Ca 2, Phòng B001)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000681	Trần Anh Kiệt	01/01/1995	Bình Định	KD13D	95	200	295
000682	Nguyễn Tuấn Kiệt	01/07/1995	Bình Định	KT13A	200	150	350
000683	Trương Minh Kiệt	12/10/1995	Lâm Đồng	KT13A	330	405	735
000684	Phạm Thị Vân Kiều	02/05/1995	Quảng Ngãi	CG13E	135	120	255
000685	Nguyễn Tấn Kiều	24/07/1994	Tiền Giang	HH13A	185	155	340
000686	Trần Thị Thúy Kiều	05/06/1994	Quảng Nam	KT13D	160	150	310
000687	Trần Thị Thúy Kiều	06/08/1995	Bình Định	QL13B	140	135	275
000688	Vũ Trọng Kim	15/01/1995	Đồng Nai	CK13B	10	55	65
000689	Nguyễn Văn Kính	22/04/1995	Bình Thuận	KD13A			
000690	Y Kreng		Đắk Nông	CX13E	150	115	265
000691	Cao Thành Ký	28/02/1993	Quảng Ngãi	KD13A	135	130	265
000692	Trương Lữ Kỳ	08/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CK13B	200	275	475
000693	Nguyễn Trọng Kỳ	10/01/1995	Gia Lai	KD13G	90	115	205
000694	Phạm Thị Tương Lai	15/09/1995	Phú Yên	KT13A	190	275	465
000695	Hồ Quế Lam	28/10/1995	Kon Tum	QL13A	160	160	320
000696	Dương Thanh Lâm	12/06/1995	Bình Thuận	CG13E	115	150	265
000697	Nguyễn Văn Lâm	25/05/1995	Nghệ An	CG13H	170	175	345
000698	Trần Văn Lâm	19/07/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13A	115	155	270
000699	Nguyễn Khắc Lâm	14/09/1995	Hung Yên	KD13G	110	140	250
000700	Lê Hữu Vũ Lâm	20/06/1994	Bình Thuận	KQ13A	105	160	265
000701	Trần Ngọc Lâm	12/01/1995	Khánh Hòa	KQ13B			
000702	Nguyễn Hoàng Lâm	11/07/1994	Kiên Giang	VT13A			
000703	Huỳnh Duy Lâm	04/09/1994	Bến Tre	VT13B	105	115	220
000704	Tạ Huỳnh Bảo Lâm	30/05/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	VT13B	195	180	375
000705	Võ Thành Lâm	25/09/1994	Bình Định	CX13A	210	160	370
000706	Nguyễn Ngọc Lâm	02/01/1994	Đồng Nai	CX13B	105	110	215
000707	Đào Văn Lạng	30/09/1994	Nghệ An	CG13H	50	155	205
000708	Đặng Thị Lành	10/04/1994	Hà Tĩnh	KQ13D	120	185	305
000709	Phạm Ngọc Lập	25/02/1994	Thừa Thiên -Huế	CX13A	165	205	370
000710	Nguyễn Văn Lập	03/12/1990	Lâm Đồng	QL13B	145	115	260
000711	Trần Thị Hồng Lê	08/12/1994	Tiền Giang	KT13A	170	230	400
000712	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	20/09/1995	Bình Định	QL13B	230	160	390
000713	Trương Thị Mỹ Len	12/01/1995	Bình Thuận	KQ13B	155	135	290

000714	Vi Văn	Liên	/ /1994	Lạng Sơn	CX13E	105	95	200
000715	Phan Văn	Liên	01/08/1994	Hà Tĩnh	KD13D		95	95
000716	Lê Thị Ngọc	Liên	19/09/1995	Tiền Giang	CX13B	115	140	255
000717	Lò Thị Diệu	Liên	07/10/1995	Lâm Đồng	KD13E	145	90	235
000718	Trần Thị	Liên	24/08/1995	Bắc Giang	KT13A	140	240	380
000719	Hoàng Thị	Liều	18/01/1995	Bình Phước	KD13E	85	160	245
000720	Nguyễn Thị Hoài	Linh	03/06/1995	Đắk Lắk	CG13H	160	185	345



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 19 ( Cà 2, Phòng B003 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000721	Trần Vũ Linh	19/01/1995	Trà Vinh	KD13D	125	155	280
000722	Hồ Thị ý Linh	07/08/1995	Phú Yên	KQ13A	125	140	265
000723	Lâm Thị Khánh Linh	22/10/1995	Trà Vinh	KQ13A	120	270	390
000724	Nguyễn Thị Trúc Linh	07/05/1995	Bến Tre	KQ13D	165	160	325
000725	Lê Trần Tú Linh	17/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A	190	195	385
000726	Trần Thị Mộng Linh	28/02/1995	Tiền Giang	KT13B	200	200	400
000727	Nguyễn Thái ái Linh	20/03/1995	Quảng Ngãi	KT13D	195	285	480
000728	Trần Thị Ngọc Linh	29/01/1995	Nam Định	KT13D	190	255	445
000729	Lê Khánh Linh	31/01/1994	Quảng Ninh	MT13B	85	145	230
000730	Liêu Mỹ Linh	05/11/1995	Gia Lai	QL13A	280	305	585
000731	Nguyễn Hoàng Phương Linh	24/05/1995	Tiền Giang	QL13A	210	340	550
000732	Nguyễn Lam Linh	21/04/1995	Tây Ninh	QL13A	195	250	445
000733	Phạm Mỹ Linh	10/02/1995	Bình Phước	QL13A	200	155	355
000734	Huỳnh Ngọc Mỹ Linh	19/04/1993	Tp. Hồ Chí Minh	QL13B	225	205	430
000735	Phạm Ngọc Linh	30/04/1995	Thanh Hóa	QL13B	185	170	355
000736	Nguyễn Văn Linh	20/03/1995	Quảng Ngãi	VT13B	115	110	225
000737	Nguyễn Linh	25/07/1991	Quảng Trị	KQ13D	170	195	365
000738	Hoàng Xuân Linh	01/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	MT13B	135	195	330
000739	Lê Thị Loan	21/09/1995	Bình Định	KT13B	260	305	565
000740	Nguyễn Thị Loan	08/04/1995	Đồng Nai	KT13D	185	270	455
000741	Đình Ngọc Loan	30/11/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	245	295	540
000742	Lương Văn Lộc	05/03/1995	Đắk Lắk	CG13B	170	255	425
000743	Lâm Hữu Lộc	18/04/1995	Tây Ninh	CG13G	165	125	290
000744	Huỳnh Tấn Lộc	01/01/1995	Bình Định	CK13B	180	185	365
000745	Võ Tấn Lộc	03/12/1995	Tây Ninh	CK13D	105	115	220
000746	Nguyễn Duy Lộc	16/04/1994	Lâm Đồng	CX13A	185	230	415
000747	Võ Phước Lộc	24/08/1995	Quảng Nam	CX13D	145	75	220
000748	Võ Tấn Lộc	26/06/1995	An Giang	CX13E	115	145	260
000749	Nguyễn Thanh Lộc	08/11/1995	Bình Dương	KD13G	190	145	335
000750	Mai Tài Lộc	25/10/1995	Lâm Đồng	KQ13B	150	295	445
000751	Ngô Văn Gia Lộc	15/07/1995	Đắk Lắk	KQ13B	190	230	420
000752	Trương Toàn Lợi	26/01/1995	Bình Định	CX13B	140	160	300
000753	Lưu Thị Kim Lợi	02/04/1995	Bình Định	KT13B	135	205	340

000754	Huỳnh Thị Lợi	22/02/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	245	300	545
000755	Nguyễn Thanh Long	08/06/1994	Bình Thuận	CG13B	180	200	380
000756	Bùi Hoàng Long	23/10/1995	Bình Phước	CG13G	185	140	325
000757	Nguyễn Huỳnh Thái Long	04/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13G	135	250	385
000758	Dương Viết Hải Long	17/11/1995	Bình Phước	CX13D	235	125	360
000759	Nguyễn Bá Long	14/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	HH13B	310	320	630
000760	Huỳnh Kim Long	29/12/1994	Cà Mau	KD13A	170	130	300



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 20 ( Ca 2, Phòng B007 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000761	Hoàng Đình Long	22/06/1995	Quảng Bình	KD13B	180	155	335
000762	Lê Thành Long	19/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13E	140	140	280
000763	Nguyễn Kim Long	03/04/1995	Lâm Đồng	KD13G	170	230	400
000764	Bùi Duy Long	28/09/1994	Đồng Nai	KQ13D	170	280	450
000765	Nguyễn Bảo Long	07/08/1995	Lâm Đồng	KT13A	100	160	260
000766	Phạm Hoàng Long	28/06/1995	Khánh Hòa	KT13A	210	160	370
000767	Phạm Thành Long	18/09/1995	Đắk Lắk	VT13A			
000768	Bùi Minh Luân	15/07/1995	Long An	CG13B	115	170	285
000769	Bùi Hoàng Luân	17/01/1995	Đồng Nai	CK13A	135	140	275
000770	Thái Anh Luân	16/07/1995	Khánh Hòa	CK13B	160	110	270
000771	Dương Huỳnh Luân	23/11/1994	Bình Thuận	CX13A	190	90	280
000772	Bùi Quang Luân	15/11/1995	Nam Định	CX13B	145	130	275
000773	Nguyễn Mậu Hoàng Luân	09/05/1995	Quảng Ngãi	CX13D	135	80	215
000774	Nguyễn Ngô Luân	05/05/1995	Trà Vinh	KQ13A	150	205	355
000775	Nguyễn Ngọc Luân	01/01/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	KQ13D	345	270	615
000776	Bích Văn Luận	20/08/1991	Bình Thuận	CG13H	125	65	190
000777	Lê Thị Luận	26/01/1995	Thanh Hóa	CN13	185	145	330
000778	Nguyễn Văn Luật	02/07/1994	Nghệ An	CK13A	95	55	150
000779	Phạm Gia Luật	15/10/1995	Lâm Đồng	KD13G			
000780	Lương Thanh Lực	03/01/1995	Quảng Trị	CX13D			
000781	Nguyễn Lương	14/11/1994	Gia Lai	CG13E	185	185	370
000782	Dương Học Lương	12/06/1994	An Giang	CX13B	140	100	240
000783	Bùi Đức Lương	06/05/1995	Nam Định	CX13E			
000784	Nguyễn Kinh Lượng	28/11/1995	Gia Lai	CG13A	155	210	365
000785	Vũ Cát Lượng	20/06/1995	Nam Định	CG13E	120	115	235
000786	Lê Ngọc Lượng	03/07/1994	Hà Tĩnh	CG13G	100	65	165
000787	Trần Văn Lượng	02/08/1995	Bình Thuận	CX13A	125	115	240
000788	Văn Đình Lượng	10/03/1995	Đắk Lắk	CX13B	120	170	290
000789	Đỗ Tấn Lưu	10/04/1995	Quảng Ngãi	CK13B	105	125	230
000790	Trần Quang Lưu	20/11/1995	Hà Tĩnh	MT13B	115	110	225
000791	Phạm Duy Luyện	29/07/1994	Hải Dương	KD13D	180	260	440
000792	Nguyễn Văn Ly	18/04/1995	Bình Thuận	HH13A	145	140	285
000793	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	29/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A	210	235	445

000794	Nguyễn Trần	Lý	05/12/1995	Hà Tĩnh	KT13A	160	100	260
000795	Nguyễn Thị	Lý	26/11/1995	Bình Định	KT13B	165	255	420
000796	Bùi Thanh	Mai	18/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KQ13A	150	120	270
000797	Phan Thị Tuyết	Mai	20/05/1995	Long An	KT13A	145	180	325
000798	Bùi Thị Ngọc	Mai	15/06/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	375	355	730
000799	Nguyễn Thanh	Mân	18/12/1995	Tiền Giang	HH13B	140	125	265
000800	Trần Minh	Mẫn	19/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	VT13A	155	160	315

HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 21 ( Ca 2, Phòng B110 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000801	Đình Tấn Mạnh	22/09/1995	Quảng Ngãi	CG13D	50	40	90
000802	Nông Hùng Mạnh		Cao Bằng	CX13E	115	90	205
000803	Đặng Đức Mạnh	15/04/1995	Phú Yên	HH13A	155	120	275
000804	Nguyễn Tuấn Mạnh	10/10/1994	Thanh Hóa	KD13B	155	65	220
000805	Nguyễn Văn Mạnh	13/11/1994	Hải Dương	KQ13D	155	200	355
000806	Nguyễn Thị Thanh	17/02/1995	Khánh Hòa	KT13A	170	110	280
000807	Huỳnh Văn Minh	09/11/1995	Khánh Hòa	CG13B	155	125	280
000808	Lê Văn Minh	02/03/1995	Đắk Lắk	CG13B	75	170	245
000809	Đặng Nhật Minh	07/06/1995	Tiền Giang	CG13D	225	285	510
000810	Huỳnh Minh	27/11/1995	Gia Lai	CG13E	145	115	260
000811	Nguyễn Văn Minh	25/09/1994	Nghệ An	CG13H	115	160	275
000812	Phạm Hồng Minh	02/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CN13	120	185	305
000813	Nguyễn Đức Minh	05/11/1995	Long An	CX13A	85	125	210
000814	Nguyễn Nhật Minh	16/03/1995	Đắk Lắk	CX13B	165	115	280
000815	Nguyễn Việt Nhật Minh	26/10/1995	Quảng Nam	CX13E	105	185	290
000816	Phạm Việt Minh	17/01/1995	Đà Nẵng	HH13A	150	135	285
000817	Vũ Nguyễn Hoài Minh	25/04/1995	Lâm Đồng	KD13A	140	220	360
000818	Võ Hồng Minh	10/07/1995	Đồng Nai	KD13G			
000819	Khúc Thanh Minh	26/12/1995	Thái Bình	KQ13A	185	140	325
000820	Huỳnh Vũ Minh	01/09/1995	Ninh Thuận	KQ13B	125	195	320
000821	Nguyễn Công Minh	18/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KQ13B	110	225	335
000822	Nguyễn Thiện Minh	22/08/1995	Quảng Ngãi	KQ13D	185	205	390
000823	Nghiêm Nhật Minh	17/11/1995	Ninh Thuận	MT13A	180	160	340
000824	Võ Ngọc Hồng Minh	16/11/1995	Bình Định	MT13A	160	150	310
000825	Lê Nhật Minh	22/12/1995	Bình Thuận	QL13A	180	260	440
000826	Nguyễn Công Minh	15/05/1995	Tiền Giang	QL13A	195	235	430
000827	Lê Nhật Minh	05/05/1995	Tp. Hồ Chí Minh	VT13A			
000828	Nguyễn Thị Mơ	15/02/1995	Bình Định	QL13B			
000829	Huỳnh Văn Mười	26/12/1995	Bình Thuận	CG13B	155	180	335
000830	Nguyễn Hà Kiều My	14/03/1995	Đà Nẵng	CG13G	305	330	635
000831	Nguyễn Diệu My	18/09/1995	Quảng Bình	KT13A	165	260	425
000832	Lê Thị Diễm My	07/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	190	210	400
000833	Phạm Trà My	24/10/1995	Hà Nam	KT13D	135	185	320

000834	Lâm Thị Ngọc	Mỹ	03/03/1994	Phú Yên	CG13E	135	195	330
000835	Bùi Tấn	Mỹ	15/06/1995	Quảng Ngãi	KD13D	125	115	240
000836	Lê Thanh Hương	Nà	01/03/1995	Bình Thuận	KT13B	260	250	510
000837	Nguyễn Văn	Nam	10/10/1994	Khánh Hòa	CG13A	135	110	245
000838	Nguyễn Văn Hoài	Nam	10/10/1995	Hải Dương	CG13A			
000839	Trần Thanh	Nam	07/09/1995	Long An	CG13B	120	140	260
000840	Âu Dương	Nam	21/11/1995	Quảng Ngãi	CG13E	190	130	320



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 22 ( Ca 2, Phòng B108 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000841	Nguyễn Thiện Nam	16/05/1994	Thái Bình	CG13E	75	120	195
000842	Nguyễn Hoài Nam	02/11/1995	Lâm Đồng	CG13G	185	130	315
000843	Nguyễn Hữu Nam	20/02/1995	Nghệ An	CG13H	115	75	190
000844	Nguyễn Phương Nam	26/10/1995	Bình Phước	CG13H	160	90	250
000845	Nguyễn Thành Nam	20/01/1995	Quảng Nam	CK13A	155	100	255
000846	Phạm Lê Hoài Nam	04/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CK13A	170	230	400
000847	Lê Văn Nam	15/05/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13B	120	110	230
000848	Thân Thế Nam	20/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13A	190	285	475
000849	Nguyễn Văn Nam	25/07/1995	Quảng Bình	CX13D	240	210	450
000850	Nguyễn Văn Hoài Nam	08/05/1995	Thanh Hóa	CX13E	145	120	265
000851	Võ Giang Nam	14/03/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13A	95	115	210
000852	Huỳnh Nam	19/10/1995	Quảng Ngãi	KD13B			
000853	Lê Văn Nam	18/07/1993	Hải Dương	KQ13B	155	120	275
000854	Huỳnh Nhật Nam	04/04/1995	Đắk Nông	MT13A			
000855	Lê Đình Nam	05/09/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13B			
000856	Trần Thanh Năm	01/03/1990	Quảng Nam	MT13B	195	185	380
000857	Phạm Đình Nga	04/04/1993	Nghệ An	KD13A	115	100	215
000858	Hồ Thị Hồng Nga	01/01/1995	Quảng Trị	KQ13A			
000859	Trần Thị Nga	06/01/1995	Nghệ An	KQ13B	115	95	210
000860	Võ Ngọc Thùy Nga	17/07/1995	Khánh Hòa	KT13B	200	340	540
000861	Bùi Thị Hằng Nga	05/02/1995	Thái Bình	KT13D	150	185	335
000862	Ngô Thanh Nga	04/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	190	150	340
000863	Nguyễn Thị Nga	18/05/1995	Hải Phòng	KT13D	330	220	550
000864	Phùng Thị Thanh Nga	12/02/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13B	180	180	360
000865	Lê Văn Ngãi	13/04/1995	Quảng Ngãi	VT13D	95	205	300
000866	Võ Thị Thảo Ngân	21/10/1995	Bình Thuận	HH13A			
000867	Bùi Thị Kim Ngân	02/11/1995	Bình Định	KQ13B	165	205	370
000868	Nguyễn Thị Thu Ngân	05/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KQ13B	225	250	475
000869	Lê Thị Thanh Ngân	20/02/1995	Bình Định	KT13B	160	145	305
000870	Huỳnh Kim Ngân	15/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	140	150	290
000871	Phan Thị Kim Ngân	09/08/1995	Lâm Đồng	MT13B	165	135	300
000872	Đỗ Thị Hồng Ngát	31/07/1995	Đắk Lắk	KT13D	220	210	430
000873	Lê Thiệu Nghi	20/04/1995	Tiền Giang	CG13H	170	185	355

000874	Trần Thị Phương	Nghi	22/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13D	155	210	365
000875	Trần Hữu	Nghị	28/06/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A	185	205	390
000876	Trần Đức	Nghĩa	03/10/1994	Hà Tĩnh	CG13D	180	75	255
000877	Lâm Hữu	Nghĩa	11/11/1995	Tây Ninh	CG13E			
000878	Trương Thành	Nghĩa	24/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CK13D	295	330	625
000879	Trương Tấn	Nghĩa	14/06/1995	Bình Định	CN13	170	300	470
000880	Nguyễn Trung	Nghĩa	15/12/1995	Đồng Nai	CX13E			



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 23 ( Ca 2, Phòng B106 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000881	Phan Thanh Nghĩa	19/05/1995	Quảng Nam	CX13E	145	175	320
000882	Lê Trọng Nghĩa	05/11/1995	Tây Ninh	HH13B	140	195	335
000883	Nguyễn Hữu Nghĩa	08/06/1995	Thừa Thiên -Huế	KD13A	140	150	290
000884	Nguyễn Đại Nghĩa	26/04/1995	An Giang	KD13D	110	115	225
000885	Bạch Tấn Nghĩa	04/02/1994	Quảng Ngãi	KQ13A	150	110	260
000886	Nguyễn Văn Nghĩa	14/04/1995	Khánh Hòa	KT13A	285	270	555
000887	Nguyễn Tiến Nghĩa	02/08/1995	Hải Dương	MT13A	160	100	260
000888	Đặng Hữu Nghĩa	08/04/1993	Đắk Lắk	QL13A	160	150	310
000889	Nguyễn Thiện Nghĩa	16/02/1995	Khánh Hòa	QL13A	280	175	455
000890	Nguyễn Thị Ngoãn	10/03/1995	Thanh Hóa	KT13D	110	160	270
000891	Lê Quý Ngọc	09/09/1995	Hung Yên	CG13A	125	95	220
000892	Trần Văn Ngọc	14/02/1995	Nam Định	CG13A	195	95	290
000893	Trịnh Đình Ngọc	17/10/1995	Thanh Hóa	CG13G	145	90	235
000894	Hoàng Văn Ngọc	23/06/1995	Thanh Hóa	CG13H			
000895	Đoàn Kim Ngọc	20/04/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CN13	255	270	525
000896	Nguyễn Hữu Ngọc	15/04/1994	Nghệ An	CN13	135	145	280
000897	Vũ Như Ngọc	28/08/1995	Lâm Đồng	KD13B	140	120	260
000898	Phạm Thị Bảo Ngọc	01/11/1995	Kon Tum	KD13D	150	160	310
000899	Nguyễn Hồng Ngọc	04/11/1995	Bến Tre	KQ13B	170	225	395
000900	Lê Thị Minh Ngọc	06/01/1995	Nghệ An	KT13B	165	230	395
000901	Phạm Hồng Ngọc	15/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KT13B	335	320	655
000902	Mai Bá Ngọc	14/06/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13A	185	115	300
000903	Lê Ngọc Ngọc	01/04/1995	Bình Định	QL13A	135	255	390
000904	Vũ Thị Bích Ngọc	17/02/1995	Nam Định	QL13A	200	230	430
000905	Lê Trung Ngôn	16/04/1995	Hà Tĩnh	CG13E	165	70	235
000906	Huỳnh Hoàng Nguyên	28/10/1995	Lâm Đồng	CG13B	155	185	340
000907	Nguyễn Đức Hà Nguyên	16/11/1995	Đồng Nai	CG13G	170	150	320
000908	Nguyễn Hạnh Nguyên	21/11/1995	Gia Lai	CK13A	135	125	260
000909	Lê Phước Nguyên	12/02/1995	An Giang	CN13	155	220	375
000910	Nguyễn Tăng Nguyên	23/04/1994	Bắc Ninh	CN13	150	140	290
000911	Hồ Quang Nguyên	20/12/1995	Bình Thuận	CX13A	200	185	385
000912	Nguyễn Văn Nguyên	15/07/1995	Đắk Lắk	CX13B	135	135	270
000913	Đoàn Cao Nguyên	15/12/1994	Gia Lai	CX13D	150	120	270

000914	Đỗ Tân Lâm	Nguyên	05/10/1995	Bình Thuận	KQ13D	230	145	375
000915	Nguyễn Kim	Nguyên	15/11/1995	Phú Yên	MT13A	135	125	260
000916	Trần Minh	Nguyên	18/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	MT13A	240	155	395
000917	Trần Văn	Nguyên	28/08/1995	Nghệ An	KT13D	145	95	240
000918	Trương Thị	Nguyệt	11/01/1995	Đắk Lắk	KQ13B	160	145	305
000919	Dương Thanh	Nhã	09/02/1995	Tiền Giang	KD13E	125	95	220
000920	Hồ Thị	Nhan	13/07/1995	Nghệ An	CX13E	120	275	395



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 24 ( Ca 2, Phòng B104 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000921	Nguyễn Thanh Nhân	01/01/1995	Đồng Tháp	CG13H	135	185	320
000922	Nguyễn Trung Nhân	05/10/1995	Đồng Nai	CK13B	105	160	265
000923	Nguyễn Thành Nhân	02/08/1995	Tây Ninh	CK13D	135	80	215
000924	Trương Võ Hoài Nhân	28/08/1995	Bình Thuận	CX13B	170	120	290
000925	Nguyễn Trí Nhân	30/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13D	235	335	570
000926	Nguyễn Trọng Nhân	17/07/1995	Đồng Tháp	CX13E			
000927	Nguyễn Ngọc Nhân	03/08/1995	Tiền Giang	KD13A	145	180	325
000928	Đàng Công Nhân	12/05/1994	Bình Thuận	KD13B	100	90	190
000929	Lê Hoàng Nhân	02/02/1995	Phú Yên	KD13G	150	160	310
000930	Vũ Trí Nhân	28/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13G	195	175	370
000931	Nguyễn Trọng Nhân	07/02/1995	Khánh Hòa	KQ13B	145	90	235
000932	Võ Chí Nhân	15/02/1995	Đồng Tháp	MT13B	90	100	190
000933	Hà Thế Nhân	06/09/1995	Gia Lai	QL13A	240	255	495
000934	Trần Trọng Nhân	28/07/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	210	380	590
000935	Trần Ngọc Nhân	19/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	QL13B	295	430	725
000936	Trần Thiện Nhân	31/03/1995	Lâm Đồng	QL13B	330	370	700
000937	Võ Xuân Nhân	12/11/1995	Bình Định	KD13G	135	80	215
000938	Danh Thánh Nhân	01/01/1993	Kiên Giang	CX13B	100	145	245
000939	Phùng Minh Nhân	15/12/1995	Thừa Thiên -Huế	CG13A	165	170	335
000940	Nguyễn Đức Nhân	15/12/1995	Phú Yên	CG13B	165	185	350
000941	Trần Minh Nhân	22/05/1994	Gia Lai	CG13B	145	125	270
000942	Trần Quang Nhân	26/08/1994	Tp. Hồ Chí Minh	CG13D			
000943	Bùi Tấn Nhân	10/05/1995	Quảng Ngãi	CG13E	150	205	355
000944	Cao Văn Nhân	10/08/1995	Khánh Hòa	CG13G	85	130	215
000945	Đặng Hữu Tuấn Nhân	28/12/1995	Thừa Thiên -Huế	CX13A	310	260	570
000946	Nguyễn Thái Anh Nhân	14/12/1995	Bình Định	CX13A	190	195	385
000947	Trần Văn Nhân	14/06/1995	Đắk Lắk	CX13B	125	90	215
000948	Lộ Minh Nhân	20/12/1995	Đắk Lắk	HH13A	195	175	370
000949	Trần Quang Nhân	19/01/1995	Long An	HH13A	210	210	420
000950	Bùi Minh Nhân	11/06/1995	Quảng Ngãi	KD13B			
000951	Lê Nhân	09/08/1995	Bình Phước	KQ13B	80	135	215
000952	Trần Hồng Nhân	19/09/1995	Quảng Ngãi	MT13B	145	140	285
000953	Phan Hồng Nhân	12/08/1995	Bình Dương	QL13B	340	300	640

000954	Trần Trung	Nhi	24/02/1995	Vĩnh Long	CK13A	135	145	280
000955	Nguyễn Thị Yên	Nhi	19/12/1995	Sóc Trăng	KD13A	155	225	380
000956	Trần Tuyết	Nhi	20/10/1995	Bình Định	KD13D	210	310	520
000957	Nguyễn Yên	Nhi	01/01/1995	Bình Định	KD13E	185	195	380
000958	Nguyễn Phan Bảo	Nhi	01/12/1995	Gia Lai	KQ13B	150	140	290
000959	Phan Cao ý	Nhi	07/07/1995	Quảng Ngãi	KQ13B	135	205	340
000960	Đặng Thị Thu	Nhi	18/11/1995	Khánh Hòa	KQ13D	155	145	300



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 25 ( Ca 2, Phòng B102 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
000961	Lê Thị Yến Nhi	01/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A	140	160	300
000962	Vũ Ngọc Thảo Nhi	17/04/1995	Lâm Đồng	KT13B	145	230	375
000963	Châu Quỳnh Nhi	30/07/1995	Bình Phước	KT13D			
000964	Lê Thị Kiều Nhi	10/11/1994	Đồng Nai	KT13D	140	210	350
000965	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	10/02/1995	Tiền Giang	QL13A	180	255	435
000966	Huỳnh Trang Bảo Nhi	15/10/1995	Lâm Đồng	QL13B	335	70	405
000967	Lê Phạm ý Nhi	16/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	QL13B	405	415	820
000968	Võ Quốc Nhiên	02/09/1995	Phú Yên	CK13A	250	95	345
000969	Tô Thành Nhiều	16/03/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	CX13A	90	135	225
000970	Lê Hữu Trọng Nhon	17/07/1995	Quảng Ngãi	KD13A	135	170	305
000971	Nguyễn Nhu	03/04/1995	Đồng Tháp	KD13D	120	70	190
000972	Trương Trần Huỳnh Như	30/04/1995	An Giang	CN13	180	110	290
000973	Nguyễn Thị Hoài Như	13/05/1995	Bình Định	KD13D	115	240	355
000974	Nguyễn Thị Ngọc Như	12/06/1995	Bến Tre	KQ13A	135	195	330
000975	Trần Đức An Như	25/12/1995	Đồng Nai	KQ13B	255	160	415
000976	Phạm Thị ái Như	28/08/1995	Tây Ninh	KT13D	185	280	465
000977	Cao Thị Huỳnh Như	09/11/1995	Vĩnh Long	QL13A	155	225	380
000978	Nguyễn Thị Hồng Nhung	05/07/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KQ13B	120	150	270
000979	Bùi Thị Nhung	30/03/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A	140	180	320
000980	Trần Thảo Nhung	18/04/1995	Bình Định	KT13B	210	290	500
000981	Phạm Lâm Quốc Nhựt	11/08/1994	Gia Lai	CG13A	195	130	325
000982	Trần Minh Nhựt	30/04/1995	Đồng Tháp	CG13B	185	200	385
000983	Võ Thành Nhựt	28/11/1995	Tiền Giang	CG13B	70	140	210
000984	Nguyễn Ngọc Minh Nhựt	23/10/1995	An Giang	CG13D	155	145	300
000985	Thân Quang Nhựt	08/11/1995	Tây Ninh	CG13D	200	160	360
000986	Phan Châu Nhựt	11/02/1995	Bình Định	CG13G	160	195	355
000987	Nguyễn Minh Nhựt	14/01/1995	Đồng Nai	CK13B	125	150	275
000988	Lê Minh Nhựt	27/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13B	125	145	270
000989	Nguyễn Hoàng Nhựt	21/12/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13E	135	205	340
000990	Huỳnh Minh Nhựt	25/06/1995	Tây Ninh	KD13G	95	155	250
000991	Lê Minh Nhựt	20/12/1995	Bình Định	KQ13A	115	140	255
000992	Nguyễn Văn Nhựt	17/02/1995	Quảng Ngãi	VT13D	145	195	340
000993	H Riêng Niê		Đắk Lắk	KQ13D	110	160	270

000994	Lê Minh	Niêm	13/04/1995	Tiền Giang	CK13B	100	185	285
000995	Lâm Thị	Nụ		Cao Bằng	KQ13D	155	210	365
000996	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	22/12/1995	Trà Vinh	KQ13A	200	250	450
000997	Lâm Thị Kim	Oanh	30/05/1995	Đà Nẵng	KQ13A	195	270	465
000998	Đoàn Thị Kiều	Oanh	06/06/1995	Bình Định	KQ13B	100	135	235
000999	Bùi Thị Hoàng	Oanh	21/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	VT13A	190	290	480
001000	Nguyễn Công	Pha	18/01/1995	Bình Định	CG13E	115	115	230



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## DANH SÁCH PHÒNG THI

Địa điểm thi: Trường ĐH GTVT TP.HCM

Phòng thi: 26 ( Ca 2, Phòng B201 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001001	Nguyễn Tấn Pháp	20/08/1995	Quảng Ngãi	CK13D	160	70	230
001002	Phạm Minh Pháp	04/03/1995	Bến Tre	VT13A	160	145	305
001003	Trịnh Chấn Phát	06/12/1995	Phú Yên	CG13A	155	240	395
001004	Nguyễn Đại Phát	27/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CG13D	135	120	255
001005	Nguyễn Chí Phát	28/06/1995	Tiền Giang	CG13E	105	160	265
001006	Nguyễn Tài Phát	07/08/1994	Quảng Ngãi	CG13E			
001007	Phạm Hoàng Phát	21/12/1995	Khánh Hòa	CG13E	120	135	255
001008	Ông Tấn Phát	23/06/1995	Trà Vinh	CK13B	145	135	280
001009	Lê Minh Phát	01/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CK13D	115	135	250
001010	Nguyễn Đắc Phát	08/09/1995	Kiên Giang	CX13A	115	125	240
001011	Huỳnh Tấn Phát	16/09/1995	Đồng Tháp	KD13B	105	135	240
001012	Nguyễn Bá Phát	17/05/1995	Bình Định	KD13B	150	115	265
001013	Võ Văn Phát	09/07/1995	Cà Mau	KD13D	115	125	240
001014	Lê Xuân Phát	06/11/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	HH13A	310	260	570
001015	Trần Kỳ Phát	10/10/1995	Quảng Ngãi	VT13A	135	120	255
001016	Nguyễn Văn Phi	10/06/1995	Đắk Lắk	CG13A	220	300	520
001017	Đào Vũ Trọng Phi	02/06/1995	Đồng Nai	CG13D	235	160	395
001018	Nguyễn Nhật Phi	22/12/1995	Bình Định	CG13G	80	95	175
001019	Nguyễn Đại Hùng Phi	17/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	HH13B	195	195	390
001020	Đặng Đình Phi	06/02/1995	Hà Tĩnh	KD13A	115	130	245
001021	Cao Bá Phi	14/06/1995	Đồng Nai	KD13B	220	205	425
001022	Nguyễn Việt Phi	23/12/1993	Bình Thuận	KD13B	165	200	365
001023	Nguyễn Quốc Phi	03/07/1995	Tây Ninh	KT13D	305	240	545
001024	Hoàng Công Phôn	09/06/1993	Bắc Giang	CG13H	145	185	330
001025	Nguyễn Thái Phong	10/01/1995	Lâm Đồng	CG13D	200	145	345
001026	Nguyễn Hữu Phong	16/06/1994	Nghệ An	CG13H	135	120	255
001027	Nguyễn Thanh Phong	07/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13H	220	145	365
001028	Nguyễn Vĩ Phong	30/09/1994	Bình Thuận	CG13H	105	175	280
001029	Bùi Thanh Phong	03/10/1995	Tây Ninh	CK13B	145	110	255
001030	Nguyễn Tấn Phong	10/01/1995	Tiền Giang	CK13B	150	160	310
001031	Phan Thái Phong	07/10/1994	Đắk Nông	CK13B			
001032	Lê Hồng Phong	19/07/1995	Bình Thuận	CX13A	170	130	300
001033	Nguyễn Hoàng Phong	07/10/1995	Bình Thuận	CX13A	165	230	395

001034	Nguyễn Đình Phong	27/05/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CX13E	155	220	375
001035	Nguyễn Hồng Phong	05/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13E	190	240	430
001036	Võ Duy Phong	23/04/1995	Lâm Đồng	CX13E	145	290	435
001037	Đỗ Nam Phong	16/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	HH13B	310	305	615
001038	Lê Thanh Phong	13/05/1995	Tiền Giang	KD13A	145	235	380
001039	Trương Thanh Phong	28/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13A	195	145	340
001040	Trương Duy Phong	14/06/1995	Đắk Lắk	KD13G	180	195	375

HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 27 ( Ca 2, Phòng B203 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001041	Bang Tấn Phong	10/09/1994	Vĩnh Long	MT13A	155	75	230
001042	Ngô Thanh Phong	08/07/1995	Nam Định	QL13B	195	150	345
001043	Trương Vĩnh Duy Phong	17/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	VT13A	125	175	300
001044	Diệp Quang Phú	14/01/1995	Phú Yên	CG13A	200	155	355
001045	Lê Quang Phú	11/11/1995	Bình Định	CG13E	150	150	300
001046	Trần Quang Phú	03/06/1992	Tp. Hồ Chí Minh	CG13G	255	220	475
001047	Bùi Đình Phú	05/06/1995	Thanh Hóa	KQ13B	155	100	255
001048	Nguyễn Dương Triệu Phú	07/12/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13B	230	365	595
001049	Huỳnh Kim Phúc	15/11/1995	Quảng Nam	CG13B	200	180	380
001050	Lê Hoàng Phúc	01/01/1995	Long An	CG13B	105	160	265
001051	Nguyễn Văn Phúc	15/07/1995	Ninh Bình	CG13H	155	125	280
001052	Phạm Văn Phúc	15/08/1995	Hà Tĩnh	CX13D			
001053	Trần Văn Phúc	11/08/1995	Nam Định	CX13E	185	180	365
001054	Lương Trường Phúc	01/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	HH13B	310	325	635
001055	Nguyễn Hoàng Phúc	09/11/1995	Tiền Giang	HH13B	145	115	260
001056	Nguyễn Hồng Phúc	17/10/1995	Tiền Giang	KD13B			
001057	Nguyễn Ngọc Phúc	23/12/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13E	155	130	285
001058	Nguyễn Hoàng Phúc	14/02/1995	Bến Tre	KQ13A	190	260	450
001059	Nguyễn Trường Phúc	18/12/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	KQ13A	270	285	555
001060	Hà Quang Phúc	27/08/1995	Bình Phước	KQ13B	180	175	355
001061	Phạm Thị Hồng Phúc	30/08/1995	Khánh Hòa	KT13A	165	200	365
001062	Vũ Hồng Phúc	17/02/1995	Khánh Hòa	KT13A	165	195	360
001063	Đào Tiến Phúc	13/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13A	120	205	325
001064	Nguyễn Hoàng Phúc	18/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	MT13A	270	205	475
001065	Nguyễn Tấn Phúc	07/02/1995	Bạc Liêu	VT13D	120	145	265
001066	Phan Thanh Phụng	28/07/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CG13B	195	130	325
001067	Trương Công Phụng	04/03/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CX13B			
001068	Nguyễn Phi Phụng	04/01/1994	Bình Định	KD13D	155	100	255
001069	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	24/04/1995	Quảng Ngãi	KQ13B	125	135	260
001070	Phan Văn Phước	12/01/1995	Thừa Thiên -Huế	CG13D	145	75	220
001071	Nguyễn Hồ Phước	01/09/1995	Đắk Lắk	CG13H	180	210	390
001072	Vương Đình Phước	25/04/1995	Đắk Lắk	CX13E	125	115	240
001073	Lê Toàn Phước	03/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	HH13A	250	325	575

001074	Nguyễn Thế	Phước	18/09/1994	Đà Nẵng	HH13B	120	135	255
001075	Huỳnh Đức	Phước	25/03/1995	Đắk Lắk	MT13B	180	130	310
001076	Nguyễn Thanh	Phương	22/01/1995	Long An	CG13B	125	230	355
001077	Hồ	Phương	22/04/1995	Quảng Ngãi	CG13D	185	125	310
001078	Hồ Việt	Phương	09/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CG13G			
001079	Lê Anh	Phương	03/07/1995	Gia Lai	CG13G	155	145	300
001080	Nguyễn Anh	Phương	12/12/1995	Khánh Hòa	CX13D	145	95	240



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 28 ( Ca 2, Phòng B205 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001081	Nguyễn Ngọc Lan Phương	18/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13D	320	180	500
001082	Nguyễn Thành Phương	29/11/1995	Gia Lai	CX13D	190	295	485
001083	Bùi Thảo Phương	09/01/1994	Khánh Hòa	KQ13A	155	155	310
001084	Đỗ Văn Phương	20/07/1994	Ninh Thuận	KQ13A	145	140	285
001085	Lê Thái Phương	17/02/1995	Bình Thuận	KQ13A	110	150	260
001086	Ngô Thị Hoài Phương	19/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A	180	160	340
001087	Nguyễn Duy Phương	12/10/1994	Tiền Giang	KT13A	210	160	370
001088	Phạm Văn Phương	11/02/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13A	105	80	185
001089	Lê Thị Phương	21/02/1995	Bình Định	QL13A	180	350	530
001090	Vũ Thị Phương	13/10/1993	Đồng Nai	KT13A	110	95	205
001091	Trần Nam Quan	16/05/1995	Kon Tum	CG13D	145	180	325
001092	Nguyễn Tăng Quan	06/01/1995	Quảng Ngãi	KD13B	85	220	305
001093	Nguyễn Văn Quan	01/03/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	MT13A	150	115	265
001094	Mai Thanh Quân	26/05/1995	Bình Thuận	CG13A			
001095	Võ Trần Hồng Quân	16/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13G	230	205	435
001096	Lương Hoàng Thế Quân	09/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13D	165	150	315
001097	Trần Hồng Quân	19/05/1995	Đắk Lắk	HH13B	230	250	480
001098	Trần Thanh Quân	14/09/1994	Tiền Giang	KQ13D	155	160	315
001099	Huỳnh Minh Quang	10/09/1993	Quảng Nam	CG13A	85	90	175
001100	Huỳnh Đăng Quang	06/01/1995	Gia Lai	CG13B	220	180	400
001101	Trương Minh Quang	16/08/1995	Đồng Nai	CG13D	145	90	235
001102	Nguyễn Hải Quang	19/09/1995	Quảng Ngãi	CG13E	105	95	200
001103	Nguyễn Đình Quang	18/07/1995	Nghệ An	CG13G	115	130	245
001104	Nguyễn Văn Quang	13/01/1995	Nghệ An	CG13H	110	75	185
001105	Nguyễn Văn Lương Quang	01/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13H			
001106	Lê Duy Quang	06/08/1995	Đắk Lắk	CK13A	160	150	310
001107	Phan Tấn Quang	02/02/1995	Quảng Ngãi	CK13B	150	145	295
001108	Nguyễn Phú Quang	26/08/1995	Đắk Lắk	CK13D	165	115	280
001109	Nguyễn Hữu Quang	28/02/1995	Quảng Trị	CX13B	185	45	230
001110	Nguyễn Đăng Quang	06/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13E	380	305	685
001111	Phùng Nhật Quang		Lâm Đồng	CX13E	145	110	255
001112	Phan Dương Quang	05/11/1995	Quảng Bình	HH13B			
001113	Trần Văn Quang	20/02/1995	Trà Vinh	HH13B	165	155	320

001114	Trần Văn Mạnh	Quang	07/02/1995	Đà Nẵng	KQ13A	145	110	255
001115	Phạm Thanh	Quang	02/01/1995	Quảng Ngãi	KQ13D	150	125	275
001116	Nguyễn Đăng	Quang	21/05/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT13A			
001117	Nguyễn Hữu	Quang	20/01/1995	Bình Định	KT13A			
001118	Trần Văn	Quảng	10/11/1995	Quảng Ngãi	KD13B	100	130	230
001119	Nguyễn Khắc	Qui	16/02/1995	Kiên Giang	CG13A	140	140	280
001120	Phan	Quý	15/10/1995	Ninh Thuận	KD13A	200	135	335



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 29 ( Ca 2, Phòng B207 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001121	Nguyễn Hải Quốc	07/10/1994	Đắk Nông	CX13E	150	175	325
001122	Trần Quang Quý	15/06/1995	Gia Lai	CG13A			
001123	Võ Văn Quý	26/12/1995	Phú Yên	CG13A	155	205	360
001124	Đặng Phan Minh Quý	27/05/1995	Hà Tĩnh	CG13E	135	135	270
001125	Phạm Văn Quý	08/09/1994	Lâm Đồng	CK13B	145	175	320
001126	Nguyễn Lê Ngọc Quý	03/01/1995	Đồng Tháp	CX13E	155	205	360
001127	Đặng Phú Quý	22/10/1995	Tiền Giang	VT13A	150	175	325
001128	Lê Quý	16/09/1994	Hà Tĩnh	VT13A	220	130	350
001129	Trang Minh Quý	14/07/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	VT13B	225	185	410
001130	Nguyễn Thị Thúy Quyên	09/11/1995	Trà Vinh	CG13A	115	95	210
001131	Lê Tú Quyên	22/12/1995	Bình Định	KT13A	85	100	185
001132	Nguyễn Hồng Tố Quyên	08/10/1995	Vĩnh Long	KT13A	230	250	480
001133	Nguyễn Thị Quyên	20/09/1994	Đắk Lắk	KT13A	160	175	335
001134	Nguyễn Thùy Mỹ Quyên	12/02/1995	Bình Định	KT13A	165	230	395
001135	Diệp Thúy Quyên	15/05/1995	Bình Định	KT13B	160	145	305
001136	Nguyễn Thị Hạnh Quyên	16/06/1995	Bình Định	KT13B	145	205	350
001137	Hồ Chánh Quyền	14/05/1994	Hồng Kông	CG13E	120	140	260
001138	Nguyễn Văn Quyền	19/08/1995	Thái Bình	CG13H	160	145	305
001139	Trương Tôn Quyền	11/04/1995	Đắk Lắk	CK13A			
001140	Lê Hữu Quyết	02/04/1995	Đắk Lắk	VT13A	150	180	330
001141	Hồ Văn Rin	25/06/1995	Thanh Hóa	CG13B	150	150	300
001142	Trần Văn Rỡ	28/05/1994	Tây Ninh	KQ13B	170	75	245
001143	Võ Đình Sâm	12/03/1995	Khánh Hòa	KD13D	140	140	280
001144	Nguyễn Quốc San	22/11/1995	Đồng Nai	HH13A	270	210	480
001145	Phùng Hiểu San	27/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	QL13B	425	455	880
001146	Nguyễn Phú Sang	12/06/1994	Quảng Ngãi	CG13A			
001147	Đào Duy Sang	12/08/1995	Quảng Ngãi	CG13D	115	130	245
001148	Bùi Quang Sang	10/06/1995	Bình Định	CG13E	135	140	275
001149	Đình Công Sang	08/02/1995	Bình Định	CG13E	80	90	170
001150	Cao Thanh Sang	28/06/1995	An Giang	CG13G	135	170	305
001151	Phạm Nguyên Sang	21/05/1992	Lâm Đồng	CK13A	90	90	180
001152	Nguyễn Văn Sang	29/07/1994	Nghệ An	CK13B	70	80	150
001153	Nguyễn Tấn Sang	25/07/1995	Bình Phước	CN13	115	150	265

001154	Trần Thanh	Sang	20/02/1995	Bình Phước	CX13B			
001155	Nguyễn Minh	Sang	08/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13D	160	205	365
001156	Võ Tấn	Sang	16/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13A	120	225	345
001157	Nguyễn Hoàng	Sang	16/08/1995	Quảng Ngãi	KD13D	155	95	250
001158	Bùi Thị Thúy	Sang	29/09/1994	An Giang	KQ13A	115	140	255
001159	Nguyễn Thành	Sang	21/11/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KQ13A	115	130	245
001160	Lê Thị Kim	Sang	21/12/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A	150	145	295



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 30 ( Ca 2, Phòng B209 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001161	Vương Nhất Sang	11/06/1995	An Giang	QL13B			
001162	Trần Thín Sáng	10/09/1995	Đồng Nai	CK13B	165	225	390
001163	Nguyễn Cao Quang Sáng	01/05/1994	Bến Tre	CX13A	115	80	195
001164	Trương Huỳnh Sanh	13/10/1995	Đắk Lắk	CX13B			
001165	Phạm Công Sơn	01/08/1995	Quảng Nam	CG13A	190	155	345
001166	Đàng Thanh Hoài Sơn	07/04/1995	Ninh Thuận	CG13A	170	155	325
001167	Nguyễn Khoa Lam Sơn	06/01/1995	Đồng Nai	CG13G	220	230	450
001168	Lê Anh Sơn	21/08/1995	Thanh Hóa	CG13H	135	90	225
001169	Nguyễn Hữu Sơn	02/02/1995	Thanh Hóa	CG13H	115	90	205
001170	Bùi Khánh Sơn	27/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CX13A	225	260	485
001171	Nguyễn Hồng Sơn	12/10/95	Hà Tĩnh	CX13A	165	110	275
001172	Phan Trung Sơn	10/07/1995	Quảng Bình	CX13A	125	65	190
001173	Nguyễn Thọ Sơn	11/03/1995	Bình Dương	CX13B	145	125	270
001174	Võ Minh Sơn	29/03/1993	Gia Lai	CX13B			
001175	Nguyễn Ngọc Sơn	19/02/1995	Đồng Tháp	CX13E	210	255	465
001176	Thái Bảo Sơn	25/03/1995	Bình Định	KD13A	270	275	545
001177	Trần Triệu Sơn	03/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13A			
001178	Vũ Anh Hoàng Sơn	28/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13A	195	175	370
001179	Trần Thái Sơn	25/04/1995	Đồng Nai	KD13D	105	185	290
001180	Nguyễn Hồng Sơn	14/12/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KD13E	145	170	315
001181	Lâm Giang Sơn	01/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13G	195	210	405
001182	Lê Nguyễn Trọng Sơn	26/07/1994	Đắk Lắk	KQ13A	150	120	270
001183	Mai Đức Thái Sơn	30/09/1995	Bình Thuận	KQ13D	230	210	440
001184	Nguyễn Thanh Sơn	05/01/1995	Kiên Giang	KT13A	185	175	360
001185	Hồ Hoàng Sơn	24/05/1995	Khánh Hòa	VT13A			
001186	Nguyễn Ngọc Sơn	01/01/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	VT13D	95	90	185
001187	Nguyễn Văn Sự	10/01/1993	Đắk Lắk	KD13A	135	115	250
001188	Trần Đầu Sung	21/05/1995	Quảng Ngãi	CX13D			
001189	Lê Thị Diễm Sương	/06/1995	Long An	CG13E	160	180	340
001190	Trần Thị Thảo Sương	26/08/1995	Thừa Thiên -Huế	QL13A	155	185	340
001191	Trần Trương Ngọc Sương	01/04/1994	Bình Định	QL13A	140	175	315
001192	Nguyễn Văn Sướng	08/09/1995	Bình Định	HH13A			
001193	Vũ Văn Sỹ	15/11/1994	Thanh Hóa	CK13A	155	100	255

001194	Nguyễn Anh	Sỹ	10/05/1995	Bình Định	CX13B	195	195	390
001195	Mai Hồng	Tạc	12/11/1995	Bình Định	HH13A	140	155	295
001196	Nguyễn Chí	Tài	25/02/1994	Bình Thuận	CG13A	165	140	305
001197	Nguyễn Tấn	Tài	12/08/1995	Tiền Giang	CG13E	210	210	420
001198	Đào Duy	Tài	24/09/1995	Bình Định	CG13G	135	140	275
001199	Nguyễn Văn	Tài	24/05/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	CG13G	155	135	290
001200	Mao Chí	Tài	25/01/1995	Cần Thơ	CG13H			



HỘI ĐỒNG KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2015

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phòng thi: 31 ( Ca 2, Phòng F301 )

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm nghe	Điểm đọc	Tổng điểm
001201	Nguyễn Thế Tài	04/07/1995	Bình Thuận	CK13A	150	180	330
001202	Tạ Tấn Tài	02/03/1991	Bà Rịa-Vũng Tàu	CK13A	230	335	565
001203	Thân Ngọc Tài	25/04/1994	Gia Lai	CK13B	170	75	245
001204	Phạm Thành Tài	22/08/1995	Tây Ninh	CN13	185	130	315
001205	Trương Viết Tài	04/09/1995	Bình Phước	CN13	135	75	210
001206	Đoàn Lê Thái Minh Tài	21/04/1995	Long An	CX13A	185	210	395
001207	Phạm Hùng Tài	04/06/1995	Bình Thuận	CX13A	180	125	305
001208	Nguyễn Hữu Tài	10/12/1994	Thanh Hóa	CX13B			
001209	Phan Nguyễn Đức Tài	25/06/1995	Đắk Lắk	CX13B			
001210	Chung Huy Tài	03/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CX13D	275	290	565
001211	Nguyễn Hữu Tài	05/01/1995	Bình Phước	CX13E	210	110	320
001212	Huỳnh Hữu Tài	18/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	HH13A	155	220	375
001213	Nguyễn Tấn Tài	09/11/1995	Bến Tre	HH13B	120	160	280
001214	Bùi Tấn Tài	20/10/1995	Nghệ An	KD13A	155	170	325
001215	Dương Thế Mạnh Tài	07/07/1995	Tiền Giang	KD13B	115	150	265
001216	Phan Tấn Tài	06/01/1995	Vĩnh Long	KD13D	105	80	185
001217	Trần Ngọc Tài	06/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KD13D	95	95	190
001218	Ngô Chí Tài	02/09/1995	Nam Định	KD13E	145	170	315
001219	Lê Ngọc Tài	27/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	KQ13B	180	220	400
001220	Trương Công Tài	10/04/1995	Bến Tre	KQ13B	105	150	255
001221	Lê Tấn Tài	18/06/1995	Phú Yên	KT13D	250	220	470
001222	Võ Chí Tài	29/11/1995	Khánh Hòa	KT13D	185	125	310
001223	Trần Anh Tài	04/09/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	QL13A			
001224	Phan Văn Tài	21/08/1995	Bình Dương	VT13A	145	135	280
001225	Lê Đức Tài	12/09/1995	Đắk Lắk	CX13D	210	140	350
001226	Bùi Việt Tài	31/01/1995	Phú Yên	CG13A	150	125	275
001227	Trần Thanh Tài	14/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13B	165	240	405
001228	Lê Đức Tài	08/01/1995	Hà Tĩnh	CG13D	210	145	355
001229	Nguyễn Minh Tài	20/02/1995	Quảng Ngãi	CG13E	115	135	250
001230	Huỳnh Khánh Tài	08/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	CG13H	180	195	375
001231	Mai Đức Tài	12/09/1995	Nghệ An	CG13H	200	155	355
001232	Nguyễn Hữu Tài	24/02/1995	Thanh Hóa	CG13H	110	150	260
001233	Nguyễn Văn Tài	27/05/1995	Đắk Lắk	CK13A	95	180	275

001234	Lương Nhân	Tâm	20/07/1995	Khánh Hòa	CK13B			
001235	Võ Cẩm	Tâm	28/04/1995	Tây Ninh	CK13B	165	195	360
001236	La Thanh	Tâm	16/03/1995	Quảng Ngãi	CK13D	105	120	225
001237	Huỳnh Kim	Tâm	16/05/1995	Bình Thuận	CX13B	100	155	255
001238	Ngô Hoài	Tâm	10/06/1995	Kiên Giang	CX13E	135	135	270
001239	Ngô Minh	Tâm	25/02/1994	Đắk Lắk	KD13D			
001240	Khổng Nguyễn Minh	Tâm	23/10/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	HH13A			

